

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về thực hiện giá bán điện**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 69/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về thực hiện giá bán điện.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện (các mức giá bán điện cụ thể được quy định tại Quyết định quy định về giá bán điện do Bộ Công Thương ban hành).

2. Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia tại khu vực nối lưới điện quốc gia; tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giá bán buôn điện* là giá bán điện do Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực hoặc đơn vị được ủy quyền thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho đơn vị bán lẻ điện.

2. *Định mức sử dụng điện sinh hoạt* là mức sử dụng điện của từng bậc quy định tại mục 4.1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (sau đây gọi tắt là định mức).

Điều 3. Áp dụng giá bán điện

1. Giá bán điện phải áp dụng theo đúng đối tượng và mục đích sử dụng điện theo quy định tại Thông tư này.

Bên mua điện có trách nhiệm kê khai đúng mục đích sử dụng điện để tính giá bán điện theo quy định của Thông tư này.

Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng điện làm thay đổi giá áp dụng, bên mua điện phải thông báo cho bên bán điện trước 15 ngày để điều chỉnh việc áp giá trong hợp đồng theo đúng mục đích sử dụng. Bên bán điện phải kiểm tra và kịp thời áp dụng giá bán điện theo đúng đối tượng quy định.

Trường hợp áp dụng giá sai mục đích sử dụng điện gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện, phải tiến hành truy thu hoặc thoái hoàn tiền điện. Trường hợp không xác định rõ thời điểm áp dụng sai giá thì được tính với thời gian là 12 tháng kể từ thời điểm phát hiện trở về trước.

2. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện cho nhiều mục đích khác nhau:

a) Đối với khách hàng ký hợp đồng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt sau một công tơ nhưng có sử dụng một phần cho các mục đích khác (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) thì áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt cho toàn bộ sản lượng điện năng đo đếm được tại công tơ đó;

b) Đối với khách hàng ký hợp đồng sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt sau một công tơ thì hai bên mua, bán điện căn cứ theo tình hình sử dụng điện thực tế để thỏa thuận tỷ lệ điện sử dụng cho mỗi loại mục đích.

3. Trong ngày thay đổi giá điện theo quy định tại Quyết định về biểu giá bán điện được Bộ Công Thương ban hành, bên bán điện phải chốt chỉ số của toàn bộ công tơ đang vận hành trên lưới, trừ các công tơ bán lẻ điện sinh hoạt.

Việc chốt chỉ số của các công tơ ba giá, công tơ trạm chuyên dùng, công tơ tổng bán buôn điện phải có xác nhận của đại diện khách hàng hoặc người làm chứng hoặc theo phương thức do hai bên thỏa thuận.

Điều 4. Giá bán điện theo cấp điện áp

1. Đối tượng áp dụng giá bán điện theo cấp điện áp bao gồm:

a) Khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hành chính sự nghiệp;

b) Đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp.

2. Hệ thống đo đếm điện đặt ở cấp điện áp nào thì giá bán điện được tính theo giá quy định tại cấp điện áp đó.

Điều 5. Giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày

1. Thời gian sử dụng điện trong ngày được quy định như sau:

a) Giờ bình thường:

- Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy
- + Từ 04h00 đến 09h30 (5 giờ và 30 phút);
- + Từ 11h30 đến 17h00 (5 giờ và 30 phút);
- + Từ 20h00 đến 22h00 (2 giờ).

- Ngày Chủ nhật

Từ 04h00 đến 22h00 (18 giờ).

b) Giờ cao điểm

- Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy
- + Từ 09h30 đến 11h30 (2 giờ);
- + Từ 17h00 đến 20h00 (3 giờ).
- Ngày Chủ nhật: không có giờ cao điểm.

c) Giờ thấp điểm

Tất cả các ngày trong tuần: từ 22h00 đến 04h00 sáng ngày hôm sau (6 giờ).

2. Đối tượng áp dụng giá bán điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày (sau đây gọi là hình thức ba giá) gồm:

a) Bên mua điện sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp điện qua máy biến áp chuyên dùng từ 25 kVA trở lên hoặc có sản lượng điện sử dụng trung bình ba tháng liên tục từ 2.000 kWh/tháng trở lên;

b) Đơn vị bán lẻ điện tại khu công nghiệp;

c) Đơn vị mua điện để bán lẻ điện ngoài mục đích sinh hoạt tại tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt;

Khuyến khích mua điện theo hình thức ba giá đối với bên mua điện sử dụng điện vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có máy biến áp và sản lượng điện sử dụng dưới mức quy định tại Điểm a Khoản này. Bên bán điện có trách nhiệm tạo điều kiện, hướng dẫn để bên mua điện được lắp công tơ ba giá.

3. Bên bán điện phải chuẩn bị đủ công tơ đo đếm điện để lắp đặt cho bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá. Trong thời gian bên bán điện chưa có điều kiện lắp đặt được công tơ ba giá thì áp dụng giá bán điện theo giờ bình thường.

4. Trường hợp bên bán điện có đủ điều kiện lắp đặt công tơ ba giá, đã có thông báo trước bằng văn bản cho bên mua điện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá về kế hoạch lắp đặt công tơ ba giá, bên mua điện phải phối hợp với bên bán điện để thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá trong thời gian sớm nhất.

Trường hợp bên mua điện thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hình thức ba giá nhưng từ chối thực hiện việc lắp đặt công tơ ba giá khi đã được bên bán điện thông báo hai lần (có xác nhận của đại diện khách hàng và thời gian tối thiểu giữa hai lần thông báo là 10 ngày) thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo cuối cùng, Bên bán điện được áp dụng giá bán điện giờ cao điểm cho toàn bộ sản lượng điện tiêu thụ của bên mua điện cho đến khi lắp đặt công tơ ba giá.

5. Trường hợp bên mua điện thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá, nhưng có các tổ chức, cá nhân dùng chung công tơ không thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá, bên mua điện phải phối hợp với bên bán điện để tách riêng công tơ cho các tổ chức, cá nhân này thành khách hàng sử dụng riêng để ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp và áp giá theo đúng đối tượng sử dụng.

6. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng áp dụng hình thức ba giá quy định tại Khoản 2 Điều này thì áp dụng giá bán điện theo giờ bình thường.

Điều 6. Điều kiện áp dụng giá bán buôn điện

1. Đơn vị bán lẻ điện tại khu vực nông thôn, khu tập thể, cụm dân cư, tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt, các khu công nghiệp phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện được cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 34 Luật Điện lực;

b) Có sổ sách kế toán theo quy định, trong đó phần kinh doanh bán lẻ điện phải được hạch toán tách biệt với các hoạt động kinh doanh khác;

c) Có hợp đồng mua bán điện và công tơ đo đếm điện lắp đặt cho từng hộ sử dụng điện theo quy định tại Điều 24 Luật Điện lực và Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

d) Có phát hành hóa đơn tiền điện theo quy định của Bộ Tài chính cho từng khách hàng sử dụng điện theo từng kỳ thanh toán được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với đơn vị bán lẻ điện không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng công ty điện lực hoặc các Công ty điện lực trực thuộc có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định để bàn giao lưới điện thuộc phạm vi quản lý của đơn vị này cho Tổng công ty điện lực hoặc các Công ty điện lực trực thuộc để bán điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện.

Chương II **GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN**

Điều 7. Giá bán lẻ điện cho sản xuất

Giá bán lẻ điện cho sản xuất áp dụng đối với bên mua điện sử dụng vào sản xuất thuộc các ngành sau:

1. Công nghiệp.
2. Xây dựng; giao thông vận tải; khai thác mỏ; lâm nghiệp; thủy hải sản.
3. Nông nghiệp: trồng trọt; bơm nước tưới tiêu; chăn nuôi gia súc, thủy hải sản và các loại chăn nuôi khác; sản xuất thuốc bảo quản và chống dịch bệnh.
4. Sản xuất nước sạch cung cấp cho tiêu dùng sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.
5. Văn phòng quản lý sản xuất được đặt tại địa điểm cùng với khu vực sản xuất.
6. Các kho chứa hàng hóa (nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm) đang trong quá trình sản xuất và địa điểm đặt kho tại khu vực sản xuất.
7. Các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (cho phần sản lượng điện sử dụng cho các hoạt động công ích) trừ hoạt động chiếu sáng công cộng.
8. Bơm thoát nước, bơm tiêu úng tại thành phố, thị xã; trạm xử lý nước thải.
9. Các tổng đài, mạng truyền dẫn, trạm thu, phát sóng thuộc các công ty viễn thông, công ty truyền hình.
10. Các cơ sở dệt vải, chăn nuôi, ấp trứng gia cầm, xay xát, làm đá đông lạnh, hàn, xì, cưa xẻ, đồ mộc, sấy thóc (lúa), bảo quản nông sản sau thu hoạch.
11. Hoạt động in ấn thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; hoạt động in ấn của cơ quan báo chí, truyền thông, nhà xuất bản.
12. May gia công công nghiệp; thuê vi tính công nghiệp; giặt là công nghiệp; chế biến thực phẩm, nông sản, lâm sản, hải sản.
13. Sản xuất sản phẩm cơ khí; sản xuất các sản phẩm từ vàng bạc, đá quý; sản xuất phần mềm tin học, âm bản; sản xuất bao bì.
14. Chiếu xạ tiệt trùng.
15. Các hoạt động sản xuất khác.